

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 486/2019/ HNGĐ-ST  
Ngày 05-6-2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Trần Duyên Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thành.
2. Ông Nguyễn Hoàng Long.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thanh T, cư trú tại: Số nhà X, đường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Phùng Trần Thiết N, cư trú tại: Số nhà Y, đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Chị và anh Phùng Trần Thiết N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 17-7-2015 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q. Sống chung được 02 năm thì

vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Anh N thường xuyên vắng nhà, không có công việc làm ổn định, không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình; tính cách của vợ chồng không hòa hợp dẫn đến mâu thuẫn ngày càng tăng, làm cho đời sống hôn nhân không được hạnh phúc. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng kết quả không thay đổi. Vợ chồng chị đã chính thức ly thân từ tháng 3-2018 đến nay. Do vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 02 con chung là Phùng Nhật N (sinh ngày 01-10-2015), Phùng Bảo Ng (sinh ngày 26-11-2018), sức khỏe bình thường, đang ở với mẹ. Chị xin được nuôi 02 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, chị không có mang thai. Chị đang làm công việc mua bán quần áo, thu nhập hàng tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có nợ nần ai.

\* Bị đơn anh Phùng Trần Thiết N đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không cung cấp lời khai hay tài liệu, chứng cứ.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng còn bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho ly hôn, giao 02 con chung cho chị T nuôi, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh N do chị T không yêu cầu, buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Phùng Trần Thiết N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Chị Nguyễn Thanh T và anh Phùng Trần Thiết N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q vào ngày 17-7-2015, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh N theo như chị T khai là đúng với thực tế, phù hợp với lời khai của người nhà anh N

cũng như Biên bản xác minh tại địa phương ngày 17-4-2019. Vợ chồng chị T, anh N đã mâu thuẫn, lục đục với nhau từ lâu và đã sống ly thân từ năm ngoái đến nay, ai ở nhà người nấy, không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau; gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, thậm chí đã có lần chị T gửi đơn ly hôn ra Tòa rồi rút đơn nhưng tình trạng đó vẫn không thay đổi. Tòa đã nhiều lần thông báo, triệu tập anh N đến làm việc và hòa giải nhưng anh N không đến Tòa, chứng tỏ anh N không có thiện chí và mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân đã rạn nứt của mình. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận cho ly hôn.

[5] Về con chung, 02 cháu Phùng Nhật N (sinh ngày 01-10-2015), Phùng Bảo Ng (sinh ngày 26-11-2018) đã được chị T nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân đến nay, tình cảm mẹ con đã gắn bó. Chị T có công việc, chỗ ở và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục 02 con. Theo Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận giao cháu N và cháu Ng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Phùng Trần Thiết N.

**2. Về nuôi con chung:**

2.1. Chị Nguyễn Thanh T và anh Phùng Trần Thiết N có 02 con chung là Phùng Nhật N (sinh ngày 01-10-2015) và Phùng Bảo Ng (sinh ngày 26-11-2018), hiện tại đang ở với mẹ.

2.2. Giao cháu N và cháu Ng cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thanh T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000990 ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. Q, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Trần Duyên Anh**